

QUYẾT ĐỊNH

**V/v cảnh báo học tập đối với sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy sau
Học kỳ I, Năm học 2018 - 2019.**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 878/QĐ-ĐHTB-ĐTĐH ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng xét hạng học lực của sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy sau Học kỳ I, Năm học 2018 - 2019, họp ngày 18/02/2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cảnh báo học tập đối với 68 sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy sau Học kỳ I, Năm học 2018 - 2019 (có danh sách sinh viên bị cảnh báo học tập kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng các đơn vị trực thuộc liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các phòng, khoa (để thực hiện);
- Website Trường (để đăng thông tin);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH (3).

HIỆU TRƯỞNG


TS. Đinh Thanh Tâm

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKHK	TCTLHK	TCTL	TCTĐ	Năm ĐT	Học lực	Cảnh báo	
1	2018A0453	Quảng Văn Hưng	30/08/00	0.11	18	2	1.00	2	18	1	Yếu	CB

2	2018A0936	Bùi Ngọc	ảnh	06/03/00	0.00	18	0	0	0	18	1	Yếu	CB
---	-----------	----------	-----	----------	------	----	---	---	---	----	---	-----	----

Lớp: K59 DH Kế toán

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKKHK	TCTLHK	TCTL	TCTD	Năm DT	Học lực	Cảnh báo
1	2018A0568	Phan Thanh Tuấn	05/05/00	0.17	18	3	1.00	3	16	1	Yếu CB
2	2018A0573	Hoàng Thị Vi	12/02/00	0.28	18	5	1.00	5	16	1	Yếu CB
3	2018A0965	Lương Huyền Linh	02/11/99	0.11	18	2	1.00	2	16	1	Yếu CB
4	2018A0967	Phan Thị Thùy Tiên	31/10/00	0.11	18	2	1.00	2	16	1	Yếu CB
5	2018A0968	Lò Thị Tinh	23/09/99	0.00	18	0	0	0	16	1	Yếu CB

Lớp: K59 QT Dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKKHK	TCTLHK	TCTL	TCTD	Năm DT	Học lực	Cảnh báo
1	2018A0694	Hạng Pảng	15/07/00	0.15	20	3	1.00	3	17	1	Yếu CB
2	2018A0699	Mùi Thị Hiếu	04/08/00	0.15	20	3	1.00	3	17	1	Yếu CB

Lớp: K56 DH QL Tài nguyên và Môi trường (A)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKKHK	TCTLHK	TCTL	TCTD	Năm DT	Học lực	Cảnh báo
1	2015A1378	Lê Hồng Nhung	21/06/97	0.00	9	0	1.45	80	137	3	Yếu CB

Lớp: K59 DH Nông học

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKKHK	TCTLHK	TCTL	TCTD	Năm DT	Học lực	Cảnh báo
1	2018A0658	Vừ A Nếnh	03/07/94	0.37	19	7	1.00	7	19	1	Yếu CB
2	2018A0930	Tòng Văn Thanh	16/01/00	0.26	19	5	1.00	5	19	1	Yếu CB
3	2018A0971	Lò Văn Công	07/07/97	0.26	19	5	1.00	5	19	1	Yếu CB
4	2018A0987	Lò Văn Vinh	06/08/00	0.74	19	14	1.00	14	19	1	Yếu CB

Lớp: K59 DH Quản lý tài nguyên rừng

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKKHK	TCTLHK	TCTL	TCTD	Năm DT	Học lực	Cảnh báo
1	2018A0683	Mùa A Sĩa	07/03/99	0.00	19	0	0	0	19	1	Yếu CB
2	2018A0684	Hàng A Sô	03/11/97	0.00	19	0	0	0	19	1	Yếu CB

Lớp: K57 DHSP Tiếng Anh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKKHK	TCTLHK	TCTL	TCTD	Năm DT	Học lực	Cảnh báo
1	2016A0904	Quảng Thị Khiển	10/04/97	0.00	19	0	1.28	53	96	2	Yếu CB
2	2016A1549	Khăm Thông Bua La Pha	28/08/83	0.78	13	7	1.00	7	96	1	Yếu CB

Lớp: K58 ĐHSP Tiếng Anh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKHK	TCTLHK	TCTL	TCTĐ	Năm ĐT	Học lực	Cảnh báo
1	2017A0953	Trần Hồng Sơn	14/11/99	0.95	20	17	1.25	44	60	2	Yếu CB

Lớp: K59 ĐHSP Tiếng Anh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKHK	TCTLHK	TCTL	TCTĐ	Năm ĐT	Học lực	Cảnh báo
1	2018A0980	Khương Quang Vinh	21/02/00	0.00	18	0	0	18	1	Yếu	CB

Lớp: K56 ĐHSP Địa lí

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKHK	TCTLHK	TCTL	TCTĐ	Năm ĐT	Học lực	Cảnh báo	
1	2015A0806	Lò Văn Hà	15/08/97	0.00	16	0	1.35	46	136	2	Yếu	CB

Lớp: K55 ĐHSP Sinh học

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKHK	TCTLHK	TCTL	TCTĐ	Năm ĐT	Học lực	Cảnh báo	
1	2014A0500	Vừ A	Sinh	0.00	4	0	1.78	121	150	CK	Yếu	CB

Lớp: K57 CDGD Tiểu học

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKHK	TCTLHK	TCTL	TCTĐ	Năm ĐT	Học lực	Cảnh báo	
1	2016A0085	Cả Văn Quý	22/03/97	0.00	17	0	1.18	22	97	1	Yếu	CB

Lớp: K58 CDGD Mầm non

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKHK	TCTLHK	TCTL	TCTĐ	Năm ĐT	Học lực	Cảnh báo	
1	2017A0191	Lê Thị Mai	06/05/99	0.00	17	0	1.00	23	59	1	Yếu	CB

Lớp: K58 ĐHGD Mầm non (B)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKHK	TCTLHK	TCTL	TCTĐ	Năm ĐT	Học lực	Cảnh báo	
1	2017A0386	Luông Thị Hà	16/04/99	0.00	20	0	1.00	6	60	1	Yếu	CB

Lớp: K59 CDGD Mầm non

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKHK	TCTLHK	TCTL	TCTĐ	Năm ĐT	Học lực	Cảnh báo	
1	2018A0001	Lia Thị Lan	25/07/00	0.70	20	12	1.17	12	20	1	Yếu	CB
2	2018A0002	Lò Thị Anh	10/08/00	0.25	20	5	1.00	5	20	1	Yếu	CB
3	2018A0013	Đinh Thị Hải	30/06/00	0.25	20	5	1.00	5	20	1	Yếu	CB
4	2018A0017	Lầu Thị Liên	20/09/00	0.25	20	5	1.00	5	20	1	Yếu	CB
5	2018A0047	Cả Thị Xuân	18/12/00	0.25	20	5	1.00	5	20	1	Yếu	CB

Lớp: K59 CBGD Tiểu học

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKKHK	TCTLHK	TCTL	TCTD	Năm DT	Học lực	Cảnh báo
1	2018A0079	Lò Văn Khánh	21/08/00	0.35	20	7	1.00	7	20	1	Yếu CB
2	2018A0087	Tùng Thị Loan	14/09/00	0.25	20	5	1.00	5	20	1	Yếu CB
3	2018A0089	Hoàng Văn Mai	24/11/00	0.25	20	5	1.00	5	20	1	Yếu CB
4	2018A0096	Vi Văn Nam	06/02/00	0.25	20	5	1.00	5	20	1	Yếu CB
5	2018A0112	Hà Thị Ngọc Thảo	26/03/00	0.35	20	7	1.00	7	20	1	Yếu CB
6	2018A0126	Lò Quốc Tuấn	01/10/00	0.35	20	7	1.00	7	20	1	Yếu CB
7	2018A0128	Lương Thị Tươi	09/11/99	0.35	20	7	1.00	7	20	1	Yếu CB
8	2018A0129	Vi Thị út	05/02/00	0.35	20	7	1.00	7	20	1	Yếu CB
9	2018A0133	Hà Thanh Xuân	28/06/00	0.35	20	7	1.00	7	20	1	Yếu CB

Lớp: K59 DHGD Mầm non

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKKHK	TCTLHK	TCTL	TCTD	Năm DT	Học lực	Cảnh báo
1	2018A0183	Hồ Thị Xù	08/03/00	0.58	19	11	1.00	11	19	1	Yếu CB
2	2018A0747	Vân Khảm Vây Nhạ	10/10/96	0.11	19	2	1.00	2	19	1	Yếu CB

Lớp: K59 DHGD Tiểu học (A)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKKHK	TCTLHK	TCTL	TCTD	Năm DT	Học lực	Cảnh báo
1	2018A0265	Sông A Vàng	08/02/00	0.15	20	3	1.00	3	20	1	Yếu CB

Lớp: K59 DHGD Tiểu học (B)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKKHK	TCTLHK	TCTL	TCTD	Năm DT	Học lực	Cảnh báo
1	2018A0276	Ngân Thị Dung	20/11/99	0.35	20	7	1.00	7	20	1	Yếu CB
2	2018A0289	Quảng Thị Hoa	31/08/00	0.10	20	2	1.00	2	20	1	Yếu CB
3	2018A0315	Lù Thị Nhung	15/04/00	0.10	20	2	1.00	2	20	1	Yếu CB

Lớp: K58 DH Công nghệ thông tin (A)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKKHK	TCTLHK	TCTL	TCTD	Năm DT	Học lực	Cảnh báo
1	2017A1221	Đào Phiến In Thà	18/06/98	0.50	22	11	1.36	47	61	2	Yếu CB

Lớp: K59 DHSP Toán học

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKKHK	TCTLHK	TCTL	TCTD	Năm DT	Học lực	Cảnh báo
1	2018A0401	Nguyễn Sơn	07/03/81	0.00	23	0	0	0	20	1	Yếu CB

Lớp: K59 ĐH Công nghệ thông tin (A)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKHK	TCTLHK	TBTL	TCTL	TCTĐ	Năm ĐT	Học lực	Cảnh báo
1	2018A0597	Giảng A	20/12/00	0.75	20	15	1.00	15	20	1	Yếu	CB
2	2018A0606	Quảng Văn	08/04/00	0.25	20	5	1.00	5	20	1	Yếu	CB
3	2018A0927	Phảng A	14/01/99	0.40	20	8	1.00	8	20	1	Yếu	CB
4	2018A0928	Cử A	05/06/00	0.25	20	5	1.00	5	20	1	Yếu	CB
5	2018A0984	Lê Tùng	03/11/00	0.25	20	5	1.00	5	20	1	Yếu	CB
6	2018A0988	Dương Hoàng	28/12/97	0.40	20	8	1.00	8	20	1	Yếu	CB

Lớp: K59 ĐH Công nghệ thông tin (B)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKHK	TCTLHK	TBTL	TCTL	TCTĐ	Năm ĐT	Học lực	Cảnh báo
1	2018A0607	Cầm Đức	23/10/99	0.10	20	2	1.00	2	20	1	Yếu	CB
2	2018A0617	Lò Tùng	05/01/99	0.00	20	0	0	0	20	1	Yếu	CB
3	2018A0625	Hà Văn	28/12/00	0.00	20	0	0	0	20	1	Yếu	CB
4	2018A0626	Lò Văn	20/07/00	0.00	20	0	0	0	20	1	Yếu	CB
5	2018A0982	Hà Minh	19/03/00	0.00	20	0	0	0	20	1	Yếu	CB

Lớp: K59 ĐHSP Ngừ văn

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	TBHK	TCĐKHK	TCTLHK	TBTL	TCTL	TCTĐ	Năm ĐT	Học lực	Cảnh báo
1	2018A0398	Phạm Thị Thu	19/09/00	0.55	22	12	1.00	12	18	1	Yếu	CB

